

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 08 - 6 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu

2. Bà Võ Ngọc Các

-Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 và ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2019/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST –DS ngày 06 ngày 3 tháng 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (tên viết tắt: A1)

Trụ sở chính: Số A đường A1, phường A2, Quận A3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 19XX

Địa chỉ: Số B đường B1, phường B2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: 2.1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ph, sinh năm 19XX (vắng mặt)

2.2. Ông Hồ Thanh Đ, sinh năm 19XX (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số B1 đường B2, khóm B3, phường B4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2019 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Anh H điều trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy Ph và ông Hồ Thanh Đ có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần A chi nhánh ST theo 02 hợp đồng sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng) cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thùy Ph bằng Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014, chi tiết như sau: Số tiền vay là 60.000.000 đồng. Phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 180209179 của bà Nguyễn Thị Thùy Ph tại Ngân hàng. Thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay. Mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn là 12,24 %/năm (tính theo số tiền vay ban đầu) và Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2014 ông Hồ Thanh Đ là chồng của bà Nguyễn Thị Thùy Ph đã có cam kết cùng trả nợ và cũng đồng ý trả thay cho bà Ph toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng với Ngân hàng (bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác). Số nợ gốc tại một thời điểm không vượt quá: 60.000.000 đồng. Trong quá trình vay vốn, bà Nguyễn Thị Thùy Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 03 tháng 01 năm 2018, Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của bà Nguyễn Thị Thùy Ph tại Ngân hàng.

Tính đến ngày 08 tháng 6 năm 2020, bà Nguyễn Thị Thùy Ph còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Vốn gốc là 23.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 4.305.000 đồng. Lãi quá hạn là 10.020.150 đồng và Phạt chậm trả là 1.400.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 38.725.150 đồng

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cùng ký ngày 15 tháng 7 năm 2014 của bà Nguyễn Thị Thùy Ph, đơn số 4214 209 001 160 và ông Hồ Thanh Đ, đơn số 4214 209 001 161, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và các văn bản của ông Đ và bà Ph ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph, chi tiết như sau: Số thẻ chính là 4791 3925 5007 5648 (bà Ph) và số thẻ phụ là 4791 3925 5007 5655 (ông Đ). Loại thẻ visa vàng cấp ngày 28 tháng 7 năm 2014. Hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng. Hiệu lực thẻ là 36 tháng, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Biểu lãi suất và phí của Ngân hàng (là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Đ và bà Ph đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 11

tháng 5 năm 2017 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn và ngày 25 tháng 9 năm 2017 Ngân hàng thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ thẻ còn lại chưa thanh toán của ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph. Tính đến ngày 08 tháng 6 năm 2020 ông bà còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Vốn gốc: 51.494.304 đồng và lãi quá hạn: 68.960.395 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 120.454.699 đồng.

Tổng dư nợ tất cả các khoản vay nêu trên của ông Hồ Thanh Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Thùy Ph tại Ngân hàng tính đến ngày 08 tháng 6 năm 2020 tiền vốn gốc là 74.494.304 đồng, lãi trong hạn là 4.305.000 đồng, lãi quá hạn là 78.980.545 đồng và phạt chậm trả là 1.400.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi của hai khoản nợ trên là 159.179.849 đồng

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bị đơn là ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tại hai hợp tính đến ngày 08 tháng 6 năm 2020 là 159.179.849 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 74.494.304 đồng, lãi trong hạn là 4.305.000 đồng, lãi quá hạn là 78.980.545 đồng và phạt chậm trả là 1.400.000 đồng) và yêu cầu các bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2020 đến ngày trả dứt nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã trả cho nguyên đơn được tiền vốn và tiền lãi của hai hợp đồng tổng cộng là 22.755.000 đồng và tiền vốn là 37.000.000 đồng. Tổng cộng các bị đơn đã trả được 59.755.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu vợ chồng bị đơn Đ và Ph trả số tiền vốn gốc là 74.494.304 đồng, lãi trong hạn là 4.305.000 đồng và lãi quá hạn là 78.980.545 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 159.179.849 đồng và không yêu cầu các bị đơn phải trả tiền phạt chậm trả là 1.400.000 đồng.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15 tháng 7 năm 2014, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014; Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 04 tháng 6 năm 2014, thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đề ngày 25 tháng 9 năm 2017; Bảng kê tính lãi ngày 08 tháng 6 năm 2020 của khách hàng Nguyễn Thị Thùy Ph và Hồ Thanh Đ.

- *Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15 tháng 7 năm 2014, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014 được chứng thực hợp pháp và các bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà

Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 216/TB-TLVA ngày 17 tháng 10 năm 2019, tổng đạt hợp lệ cho ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph, nhưng ông Đ và bà Ph không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông Đ và bà Ph để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ và bà Ph đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho ông bà biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Đ và bà Ph cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đều đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A là ông Nguyễn Anh H thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn Hồ Thanh Đ và Nguyễn Thị Thùy Ph không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph trả số tiền gốc, lãi còn nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng trả góp và ông Đ, bà Ph có cùng địa chỉ cư trú tại số B1 đường B2, khóm B3, phường B4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Hồ Thanh Đ và bị đơn Nguyễn Thị Thùy Ph vẫn

vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Hồ Thanh Đ và bị đơn Nguyễn Thị Thùy Ph.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trước đây nguyên đơn có khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền tính đến ngày 08 tháng 6 năm 2020 trong đó tiền vốn gốc là 74.494.304 đồng, lãi trong hạn là 4.305.000 đồng, lãi quá hạn là 78.980.545 đồng và phạt chậm trả là 1.400.000 đồng và yêu cầu các bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2020 đến ngày trả dứt nợ. Nhưng nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là chỉ yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền vốn gốc là 74.494.304 đồng, lãi trong hạn là 4.305.000 đồng và lãi quá hạn là 78.980.545 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 157.779.849 đồng.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn Hồ Thanh Đ và bị đơn Nguyễn Thị Thùy Ph phải trả cho Ngân hàng số 157.779.849 đồng còn nợ lại của hai hợp đồng cụ thể là:

[4.1]. Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014 mà các bên đã ký kết với số tiền còn nợ lại tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 37.325.150 đồng, trong đó nợ gốc là 23.000.000 đồng và tiền lãi là: 14.325.150 đồng (tiền lãi trong hạn là 4.305.000 đồng và tiền lãi quá hạn 10.020.150 đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

[4.2]. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15 tháng 7 năm 2014 và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) mà các bên đã ký kết với số tiền vốn vay còn nợ lại tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 120.454.699 đồng, trong đó nợ gốc là 51.494.304 đồng và tiền lãi là: 68.960.395 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15 tháng 7 năm 2014, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và Hợp

đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014 là tình tiết, sự kiện do Ngân hàng cung cấp; sự không phản đối của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy Ph và bị đơn ông Hồ Thanh Đ, căn cứ Khoản 2 Điều 92 và Khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định, bà Ph và ông Đ đã vay của Ngân hàng theo:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15 tháng 7 năm 2014 và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 38.7%/năm, quá hạn 43.5%/năm, sau khi vay các bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 51.494.304 đồng sau khi vay số tiền nêu trên các bị đơn lại không trả tiền vốn và lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, ngày 11 tháng 5 năm 2017 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn tính đến ngày 08 tháng 6 năm 2020 các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn và lãi là 120.454.699 đồng, (trong đó nợ gốc là 51.494.304 đồng và tiền lãi là: 68.960.395)

Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014 số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng lãi suất trong hạn là 12,24%/năm, lãi quá hạn 150%/năm. Sau khi vay các bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 37.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi của hai hợp đồng nêu trên là 22.755.000 đồng từ đó đến nay các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và tiền lãi của hai hợp đồng nêu trên cho nguyên đơn.

[6] Do bị đơn Đ và bị đơn Ph vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận tại các Điều 9, 10, 11 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Điều 4, 5 6, 7 của Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 ngày 04/6/2014 nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ và phù hợp với Khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24, điểm d khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung) Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có cơ sở chấp nhận.

[7] Tại Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014 chỉ thể hiện bà Ph là bên vay và nhận tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Sóc Trăng nhưng cùng ngày ông Đ cũng có Giấy cam kết về việc trả nợ thay cho bà Ph số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên và cũng tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cùng ký ngày 15 tháng 7 năm 2014 của bà Phương, đơn số 4214 209 001 160 và ông Đ, đơn số 4214 209 001 161, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ

tín dụng của Ngân hàng và các văn bản của ông Đ và bà Ph ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng và nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho các bị đơn, số thẻ chính là 4791 3925 5007 5648 (bà Ph) và số thẻ phụ là 4791 3925 5007 5655 (ông Đ). Từ những phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của ông Đ, bà Ph theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; bị đơn Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph phải chịu 7.888.993 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 95, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

1. Buộc ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền còn nợ tổng cộng là 157.779.849 đồng, gồm 74.494.304 đồng gốc, 4.305.000 đồng lãi trong hạn, 78.980.545 đồng lãi quá hạn theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng trả góp số SOC.CN.02.040614 (Số tài khoản vay: 180208569) ký ngày 04 tháng 6 năm 2014: 23.000.000 đồng gốc, 14.325.150 đồng lãi (tiền lãi trong hạn là 4.305.000 đồng và tiền lãi quá hạn 10.020.150 đồng).

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15 tháng 7 năm 2014 và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là

hợp đồng): 51.494.304 đồng gốc, 68.960.395 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2020, ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Phương phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ và bà Ph phải chịu là 7.888.993 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu; trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.377.163 đồng theo biên lai số 0009464 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Hồ Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ

